

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN BẰNG LŨNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18/QĐ-UBND

Bằng Lũng, ngày 27 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách địa phương năm 2022
của thị trấn Bằng Lũng

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN BẰNG LŨNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ quyết định số 6288/QĐ – UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Chợ Đồn Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, và dự toán ngân sách năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 15 /NQ-HĐND ngày 29/12/2021 của HĐND thị trấn Bằng Lũng, khóa VIII về việc phân bổ ngân sách xã năm 2022;

Xét đề nghị của Bộ phận Tài chính - Kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách địa phương năm 2022 của thị trấn Bằng Lũng

(Theo các biểu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà: Văn phòng UBND xã, Tài chính - Kế toán và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, HĐND (b/c);
- MTTQ, các đoàn thể;
- 25 trường thôn;
- Lưu VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Hữu Nhuận

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	6.420.762.000	TỔNG SỐ CHI	6.420.762.000
Các khoản thu xã hưởng 100%	965.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	6.295.339.000
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100.000.000	1, Sự nghiệp kinh tế	25.000.000
Lệ phí môn bài	132.000.000	2, Hội đồng nhân dân	100.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	663.000.000	3, Ủy ban nhân dân	2.959.736.960
Hối, lệ phí	55.000.000	4, Sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao	35.000.000
Thu khác ngân sách	15.000.000	5, Sự nghiệp truyền thanh	18.000.000
. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)		6, Công tác an ninh, trật tự, an toàn	346.088.000
I. Thu bổ sung	5.455.762.000	7, Chi huy quân sự xã	576.251.400
Bổ sung cân đối	5.080.662.000	8, Đoàn thanh niên	156.271.166
Bổ sung có mục tiêu	375.100.000	9, Hội phụ nữ	163.922.220
V. Thu chuyển nguồn		10, Hội nông dân	115.853.770
		11, Hội cựu chiến binh	133.561.554
		12, Đảng ủy	861.376.550
		13, Mặt trận tổ quốc	589.067.380
		14, Hội chữ thập đỏ	24.026.000
		15, Hội người cao tuổi	59.592.000
		16, Hội khuyến học	15.192.000
		17, Hữu xã	116.400.000
		III. Dự phòng	125.423.000

hi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phần chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021		DỰ TOÁN NĂM 2022		SO SÁNH (%)			
		THU NSNN 1	THU NSX 2	THU NSNN 3	THU NSX 4	THU NSNN 5=3/1	THU NSX 6=4/2		
A	B								
	TỔNG THU	8.789.367.987	8.453.881.701	7.776.762.000	6.420.762.000	88,48%	75,95%		
I	Các khoản thu 100%	78.920.529	78.920.529	70.000.000	70.000.000	88,70%	88,70%		
	Phí, lệ phí	30.954.000	30.954.000	55.000.000	55.000.000	177,68%	177,68%		
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác								
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp								
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	25.000.000	25.000.000						
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định								
	Đóng góp của nhân dân theo quy định								
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân								
	Thu khác	22.966.529	22.966.529	15.000.000	15.000.000				
	Thu cố định	0	0						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.915.962.673	1.582.143.673	2.251.000.000	895.000.000	77,20%	56,57%		
1	Các khoản thu phân chia								
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp	223.399.326	223.399.326	100.000.000	100.000.000				
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	2.948.000	2.948.000			0,00%	0,00%		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	140.450.000	140.450.000	132.000.000	132.000.000	93,98%	93,98%		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	239.656.858	239.656.858				0,00%		
	- Thuế giá trị gia tăng + TTDB	1.333.819.000		1.356.000.000		101,66%			
	- Thuế chuyển quyền sử dụng đất								
	- Thuế thu nhập cá nhân	975.689.489	975.689.489	663.000.000	663.000.000	67,95%			

viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (tên có)

Thu chuyển nguồn		883.156.977						
Thu kết dư ngân sách năm trước		115.175.737						
VI Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.794.484.785	5.794.484.785	5.455.762.000	5.455.762.000	94,15%	94,15%		
- Thu bổ sung cân đối	4.127.742.000	4.127.742.000	5.080.662.000	5.080.662.000	123,09%	123,09%		
- Thu bổ sung có mục tiêu	1.666.742.785	1.666.742.785	375.100.000	375.100.000	22,50%	22,50%		

